TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 678/2019/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 03 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 416, 417, 419 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 655/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trương Thị Thùy T - sinh năm: 1986;

Địa chỉ: ấp C1, xã T, huyện C2, tỉnh Bến Tre.

- Ông Dương Thanh H – sinh năm: 1974;

Địa chỉ: A Đường số B, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Trương Thị Thùy T và ông Dương Thanh H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 07, quyển số: 01/2006, ngày 13/01/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Gò Vấp.

[2] Theo đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngày 24/5/2019 và Biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 24/5/2019, bà Trương Thị Thùy T và ông Dương Thanh H thống nhất thuận tình ly hôn, giao hai (02) con chung tên Dương Thảo N1, sinh ngày 28/11/2006 và Dương Quỳnh N2, sinh ngày 25/7/2012 cho ông Dương Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng; ông Dương Thanh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và thỏa thuận về việc không chia tài sản chung.

[3] Trung tâm đối thoại, hòa giải tại Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy bà Trương Thị Thùy T và ông Dương Thanh H thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Trương Thị Thùy T và ông Dương Thanh H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 07, quyển số: 01/2006 ngày 13/01/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường 17, quận Gò Vấp hết hiệu lực.

- Về con chung: Giao hai (02) con chung tên Dương Thảo N1, sinh ngày 28/11/2006 và Dương Quỳnh N2, sinh ngày 25/7/2012 cho ông Dương Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi của bà Trương Thị Thùy T cho đến khi ông H có yêu cầu.

Bà Trương Thị Thùy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Ông Dương Thanh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà T; nếu bà T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trương Thị Thùy T và ông Dương Thanh H phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2018/0000749 ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- UBND Phường 17, quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thành Phong

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].